

ÁN LỆ SỐ 80/2025/AL¹

Về việc tặng cho vé số của vợ, chồng

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào ngày 24 tháng 12 năm 2025 và được công bố theo Quyết định số 339a/QĐ-CA ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Quyết định giám đốc thẩm số 148/2023/DS-GĐT ngày 09/8/2023 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản*” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu D cùng 17 nguyên đơn khác với bị đơn là ông Trần Thanh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm 05 người.

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 4 phần “*Nhận định của Tòa án*”.

Khái quát nội dung của án lệ:

- *Tình huống án lệ:*

Một bên vợ, chồng tặng cho tài sản là tờ vé số chưa mở thưởng cho người khác, người nhận vé số không biết hoặc không buộc phải biết vé số được tặng cho là tài sản chung hay tài sản riêng của vợ, chồng. Sau đó, tờ vé số này trúng thưởng.

- *Giải pháp pháp lý:*

Trường hợp này, Tòa án phải xác định tờ vé số chưa mở thưởng được tặng cho là động sản không phải đăng ký quyền sở hữu và việc tặng cho tài sản không cần sự đồng ý của người vợ hoặc chồng của người tặng cho.

Quy định của pháp luật có liên quan đến án lệ:

- Điều 457, khoản 1 Điều 458 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 32 và Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Từ khoá của án lệ:

“*Hợp đồng tặng cho tài sản*”; “*Tặng cho vé số*”; “*Động sản không phải đăng ký quyền sở hữu*”; “*Không cần sự đồng ý của người vợ hoặc chồng*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Thu D làm công nhân lao động tại cơ sở sản xuất bàn ghế inox P do ông Trần Thanh T làm chủ. Đầu giờ chiều ngày 07/01/2021, khi bà D cùng nhiều công nhân đang lao động thì ông Trần Thanh T mua một số tờ vé số và đưa cho bà D 01 (một) tờ vé số có dãy số 317626 do Công ty xổ số kiến thiết A phát hành, mở thưởng cùng ngày và nói chiều nay nếu tờ vé số này trúng thì chia đều cho các công nhân có mặt trong ngày. Việc ông T đưa cho bà D tờ vé số

¹ Án lệ này do Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học Tòa án nhân dân tối cao đề xuất.

có nhiều người chứng kiến là bà Phạm Thu H, bà Trịnh Thị L1, bà Huỳnh Thị Thu V, bà Nguyễn Thị Kim L và bà Huỳnh Thị Bích T1.

Khoảng 16 giờ 45 phút cùng ngày, bà D nhờ ông Nguyễn Thanh X dò kết quả xổ số thì tờ vé số ông T đưa cho bà lúc đầu giờ chiều trúng giải đặc biệt trị giá 2.000.000.000 đồng. Bà D liền báo cho ông T biết việc tờ vé số trúng thưởng giải đặc biệt. Ông T nói bà D đưa tờ vé số ra để ông T dò lại. Sau khi xác định đúng tờ vé số đã trúng thưởng, ông T cất tờ vé số vào túi áo rồi dặn bà D, ông X và bà L là đừng la om xòm, để ông lãnh thưởng dùm rồi chiều 28 Tết nghỉ làm, ông sẽ chia cho công nhân trong xưởng. Nếu chia bây giờ họ nghỉ hết, không có người làm. Vì ông T là chủ cơ sở và ngày 07/01/2021 là ngày 25/11 âm lịch nên bà D tin tưởng, không yêu cầu ông T trả lại tờ vé số. Đến ngày 28 Tết Nguyên đán, ông T chỉ cho các công nhân tiền Tết, chứ không thực hiện lời hứa chia tiền vé số trúng thưởng.

Vì tờ vé số trúng giải đặc biệt trị giá 2.000.000.000 đồng, trừ thuế thu nhập phải nộp 10% = 200.000.000 đồng, còn lại thực lĩnh 1.800.000.000 đồng, trừ đi số tiền Tết mà 18 nguyên đơn đã nhận tổng cộng 183.000.000 đồng thì ông T còn giữ của các nguyên đơn số tiền 1.617.000.000 đồng. Nay các nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu ông Trần Thanh T trả chia đều mỗi nguyên đơn số tiền 85.105.000 đồng.

Ngày 09/11/2021, các nguyên đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu ông T phải trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm (0.83%/tháng), tính từ ngày 09/02/2021 đến ngày 09/11/2021, với tổng số tiền lãi là 91.459.000 đồng và tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Trần Thanh T trình bày:

Ông thừa nhận ngày 07/01/2021 ông có mua 01 (một) tờ vé số do Công ty xổ số kiến thiết tỉnh A phát hành, có dãy số 317626, mở thưởng chiều cùng ngày. Do ông sử dụng điện thoại di động loại bàn phím thông thường, không thể vào mạng Internet để dò kết quả xổ số, nên cuối giờ chiều cùng ngày, ông đưa tờ vé số cho bà D nhờ dò kết quả qua điện thoại di động Smartphone của ông X. Sau khi phát hiện vé trúng giải đặc biệt, bà D mang lại trả cho ông tờ vé số. Bà D nói ông cho bà D tờ vé số là không đúng. Ông không cho bà D tờ vé số nào mà là của ông nhờ bà D dò dùm. Ngày 08/01/2021, ông đã lĩnh thưởng tờ vé số. Khi cho các công nhân nghỉ Tết Nguyên đán, ông đã cho mỗi công nhân một số tiền làm quà Tết, khi đó không ai thắc mắc gì về việc chia tiền thưởng của tờ vé số trúng giải đặc biệt. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày: bà là vợ của ông T. Bà thống nhất theo trình bày của ông T và không có yêu cầu độc lập.

Ông Trương Trần Hoài T6 trình bày: bà D nói ngày 07/01/2021 ông có chứng kiến việc ông T cho bà D tờ vé số là không đúng. Nên khi bà D kể lại sự việc cho ông nghe và đề nghị ông cùng khởi kiện ông T thì ông không đồng ý. Ông cho rằng các nguyên đơn khởi kiện là không đúng và yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ông Lê Văn T2 trình bày: ông không chứng kiến sự việc ông T cho bà D tờ vé số vào ngày 07/01/2021. Sau đó ông có nghe một số người kể lại sự việc ông T trúng số, sau khi ông T trúng số có cho ông 20.000.000 đồng, ông yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ông Huỳnh Tấn Chi Thanh H1: ngày 07/01/2021, ông có đi làm tại cơ sở của ông T nhưng không chứng kiến việc ông T cho bà D tờ vé số. Sau đó ông có nghe một số người kể lại sự việc ông T trúng số, sau khi ông T trúng số có cho ông 20.000.000 đồng, ông yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ông Tống Phước H2: ngày 07/01/2021, ông có đi làm tại cơ sở của ông T nhưng không chứng kiến việc ông T cho bà D tờ vé số. Sau đó ông có nghe một số người kể lại sự việc ông T trúng số, sau khi ông T trúng số có cho ông 20.000.000 đồng, ông yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 15/8/2022, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long quyết định (tóm tắt):

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn Trần Thanh T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn gồm: Nguyễn Thị Thu D, Nguyễn Thanh X, Nguyễn Thị Kim L, Huỳnh Thị Thu V, Huỳnh Thị Bích T1, Phạm Thu H, Trịnh Thị L1, Phạm Thị Hồng T2, Võ Văn C, Trương Văn Mười H3, Bành Thanh T3, Huỳnh Lâm T4, Hồ Công H4, Võ Văn L2, Cao Minh Đ, Nguyễn Thị Kiều T5, Hồ Quốc S, Trần Văn T7 mỗi người số tiền là 42.552.500 đồng. Tổng cộng là: 765.945.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi.

(Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án và tuyên quyền kháng cáo).

Ngày 19/8/2022, ông Trần Thanh T có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Ngày 28/8/2022, các nguyên đơn có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Ngày 29/8/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long có quyết định kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và sửa án phí dân sự sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2023/DS-PT ngày 13/01/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định (tóm tắt):

- Chấp nhận, một phần kháng cáo của các nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng nghị; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn Trần Thanh T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn gồm: Nguyễn Thị Thu D, Nguyễn

Thanh X, Nguyễn Thị Kim L, Huỳnh Thị Thu V, Huỳnh Thị Bích T1, Phạm Thu H, Trịnh Thị L1, Phạm Thị Hồng T2, Võ Văn C, Trương Văn Mười H3, Bành Thanh T3, Huỳnh Lâm T4, Hồ Công H4, Võ Văn L2, Cao Minh Đ, Nguyễn Thị Kiều T5, Hồ Quốc S, Trần Văn T7 mỗi người số tiền là 85.105.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi.

(Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án).

Ngày 09/02/2023, ông Trần Thanh T có đơn đề nghị xem xét lại bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 125/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 25/5/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2023/DS-PT ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các nguyên đơn trình bày thống nhất khẳng định ngày 07/01/2021, ông Trần Thanh T có đưa cho bà Nguyễn Thị Thu D 01 (một) tờ vé số có dãy số 317626 do Công ty xổ số kiến thiết A mở thưởng ngày 07/01/2021 và hứa nếu trúng thưởng sẽ chia cho tất cả công nhân có mặt tại xưởng ngày 07/01/2021. Bị đơn (ông Trần Thanh T) thừa nhận có đưa cho nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Thu D) tờ vé số nêu trên, nhưng không phải là cho bà D và các công nhân đi làm ngày hôm đó, mà chỉ là nhờ bà D dò kết quả. Cho dù, giao dịch giữa ông T và bà D là hợp đồng tặng cho tài sản quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự hay hợp đồng gửi giữ tài sản quy định tại Điều 559 Bộ luật Dân sự thì pháp luật cũng không quy định bắt buộc phải lập thành văn bản. Do đó, về hình thức thì việc hai bên giao kết bằng lời nói là không vi phạm quy định về hình thức của hợp đồng. Do giao dịch giữa ông T và bà D không có tài liệu, chứng cứ thể hiện mà chỉ thông qua hình thức lời nói, nên cần căn cứ vào các chứng cứ khác để xác định sự thật khách quan của vụ án.

[2] Mặc dù, ông T không thừa nhận lời trình bày của các nguyên đơn, nhưng quá trình giải quyết vụ án đã xác định được sau khi xảy ra sự kiện trúng thưởng vé số thì ông T đã tự ý cho thay thế và di dời vị trí camera quan sát diễn biến công việc thường ngày ở xưởng; đồng thời, ông T cũng không trực tiếp mà giao cho người khác đi lĩnh thưởng, sau đó lại có lời khai mâu thuẫn về địa điểm lĩnh thưởng. Đến khi cho các công nhân nghỉ Tết Nguyên đán, ông T đã cho các công nhân tiền thưởng Tết mỗi người từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, trong

khi các nguyên đơn đều khẳng định hằng năm ông T chỉ thưởng Tết cho mỗi công nhân khoảng 01 tuần lương. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/01/2022, phía nguyên đơn yêu cầu ông T trả thêm cho mỗi nguyên đơn 50.000.000 đồng, nhưng ông T chỉ đồng ý trả thêm cho các nguyên đơn tổng cộng 200.000.000 đồng, ông T không giải thích được lý do ông thay mới và đổi vị trí camera quan sát, lý do ông đưa tờ vé số cho người khác đi lĩnh thưởng, lý do ông và người đại diện khai mâu thuẫn về địa điểm lĩnh thưởng. Điều này chứng tỏ ông T muốn che giấu việc trúng thưởng tờ vé số đã đưa cho bà D ngày 07/01/2022. Bên cạnh đó, việc ông T cho các công nhân tiền Tết Nguyên đán 2022 nhiều hơn rất nhiều so với hằng năm và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/01/2022 ông T còn đồng ý cho các nguyên đơn thêm 200.000.000 đồng là điều không bình thường. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm nhận định ông T đã cho chung bà D và các công nhân có đi làm tại xưởng của ông T ngày 07/01/2022 tờ vé số, đồng thời ra điều kiện là nếu tờ vé số trúng thưởng thì chia đều cho tất cả các công nhân có mặt, là có cơ sở.

[3] Như ở đoạn [1] đã nhận định, do giao dịch giữa ông T và bà D chỉ giao kết bằng lời nói, nên việc kháng nghị giám đốc thẩm nhận định cho rằng các nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh là không phù hợp với thực tế. Hơn nữa, cũng không có chứng cứ xác định 11/18 nguyên đơn tuy không chứng kiến việc ông T cho bà D tờ vé số mà chỉ thông qua lời nói kích động của bà D để đòi hỏi quyền lợi như kháng nghị giám đốc thẩm nhận định. Các nguyên đơn đều xác định do ông T hứa sẽ chia thưởng khi nghỉ Tết nên các nguyên đơn thống nhất chờ và thực tế đến ngày 28 Tết đã được ông T chia một phần tiền (hơn 01 tháng sau khi ông T lĩnh thưởng); qua thời gian nghỉ Tết, các nguyên đơn có đòi ông T trả thêm tiền nhưng ông T không trả nên việc các nguyên đơn khởi kiện sau hơn 02 tháng kể từ khi tờ vé số trúng thưởng không phải điều bất thường như kháng nghị giám đốc thẩm đặt ra.

[4] Tại thời điểm ông T cho bà D và các công nhân tờ vé số thì mệnh giá tờ vé số chỉ là 10.000 đồng, so với chi phí tiêu dùng hàng ngày thì có giá trị không đáng kể, nên ông T có thể tự ý định đoạt mà không cần phải có sự đồng ý của bà Nguyễn Thị Thùy D1 (vợ ông T), vì không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Kháng nghị giám đốc thẩm cho rằng ông T chỉ có quyền định đoạt 50% giá trị tờ vé số trúng thưởng là xác định không chính xác đối tượng của hợp đồng. Trong vụ án này, phải xác định đối tượng của hợp đồng tặng cho tài sản giữa ông T và các nguyên đơn là tờ vé số chưa mở thưởng chứ không phải là tờ vé số trúng thưởng. Khi tờ vé số trúng thưởng, nếu bà D vẫn là người cầm giữ thì bà D có nghĩa vụ lĩnh thưởng và chia đều cho các nguyên đơn theo điều kiện đã giao kết với ông T. Nhưng do ông T đã cầm lại tờ vé số, đã lĩnh thưởng thì ông T phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền trúng thưởng của tờ vé số cho các nguyên đơn, như Tòa án cấp phúc thẩm đã quyết định là đúng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 125/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 25/5/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2023/DS-PT ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử vụ án “Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản” giữa nguyên đơn là các ông, bà Nguyễn Thị Thu D, Nguyễn Thanh X, Nguyễn Thị Kim L, Huỳnh Thị Thu V, Huỳnh Thị Bích T1, Phạm Thu H, Trịnh Thị L1, Phạm Thị Hồng T2, Võ Văn C, Trương Văn Mười H3, Bành Thanh T3, Huỳnh Lâm T4, Hồ Công A H4, Võ Văn L2, Cao Minh Đ, Nguyễn Thị Kiều T5, Hồ Quốc S, Trần Văn T7 với bị đơn là ông Trần Thanh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thùy D, ông Trương Trần Hoài T6, ông Lê Văn T2, ông Huỳnh Tấn Chi Thanh H1 và ông Tống Phước H2.

2. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

NỘI DUNG ÁN LỆ

“[4] Tại thời điểm ông T cho bà D và các công nhân tờ vé số thì mệnh giá tờ vé số chỉ là 10.000 đồng, so với chi phí tiêu dùng hàng ngày thì có giá trị không đáng kể, nên ông T có thể tự ý định đoạt mà không cần phải có sự đồng ý của bà Nguyễn Thị Thùy D1 (vợ ông T), vì không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Kháng nghị giám đốc thẩm cho rằng ông T chỉ có quyền định đoạt 50% giá trị tờ vé số trúng thưởng là xác định không chính xác đối tượng của hợp đồng. Trong vụ án này, phải xác định đối tượng của hợp đồng tặng cho tài sản giữa ông T và các nguyên đơn là tờ vé số chưa mở thưởng chứ không phải là tờ vé số trúng thưởng. Khi tờ vé số trúng thưởng, nếu bà D vẫn là người cầm giữ thì bà D có nghĩa vụ lĩnh thưởng và chia đều cho các nguyên đơn theo điều kiện đã giao kết với ông T. Nhưng do ông T đã cầm lại tờ vé số, đã lĩnh thưởng thì ông T phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền trúng thưởng của tờ vé số cho các nguyên đơn, như Tòa án cấp phúc thẩm đã quyết định là đúng.”.